

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Dược
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Dược
Tên tiếng Anh	: Pharmacy
Loại hình đào tạo	: Chính quy – niên chế
Mã ngành	: 51900107

(Ban hành theo Quyết định số. 191/QĐ-ĐT, ngày 15 tháng 07 năm 2013
của Hiệu Trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ chuyên môn kỹ thuật Dược trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành, có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Tác phong, thái độ, nghề nghiệp

- Có tác phong làm việc khoa học, công nghiệp, cần cù, cẩn trọng, trung thực trong nghề nghiệp.
- Có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định của ngành, tinh thần trách nhiệm trong chuyên môn và thái độ phục vụ người bệnh ân cần, chu đáo, thực hiện lời dạy của Bác Hồ "Thầy thuốc như mẹ hiền", mẫn cán, tận tụy trong công việc.

1.2.2. Đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân

- Có đạo đức tốt, có ý thức cao và có lối sống lành mạnh.
- Có giác ngộ chính trị, trung thành với tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghĩa vụ trách nhiệm công dân.
- Có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

1.2.3. Kiến thức

- Hiểu và biết cách vận dụng những kiến thức chung về chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng đã học vào thực tiễn rèn luyện đạo đức, học tập và công tác của bản thân.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thực vật làm thuốc, trang bị được những kiến thức về y học cơ sở, hóa phân tích, dược liệu, dược lý, các quy trình kỹ thuật về bào chế thuốc, biết cách bảo quản thuốc và dụng cụ y tế, các kỹ thuật kiểm nghiệm dược, ...
- Hiểu và trình bày được cơ cấu tổ chức của ngành Y tế Việt Nam, ngành Dược của Việt Nam, các quy chế, quy định và chính sách về quản lý dược và kinh doanh ngành Dược.
- Vận dụng tổng hợp được các kiến thức và kỹ năng đã học để tham gia vào các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

1.2.4. Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật về bào chế các loại thuốc thông thường, viết và đọc đúng tên thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả...
- Có kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khoẻ và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý cho từng người bệnh và cộng đồng.
- Có kỹ năng thu hái và chế biến dược liệu, nguyên liệu làm thuốc.
- Thực hiện được các công việc: quản lý, cung ứng thuốc, bảo quản thuốc và các dụng cụ y tế.
- Quản lý kinh tế và nghiệp vụ về dược trong phạm vi nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện tốt công tác: đảm bảo chất lượng thuốc, mỹ phẩm, trong sản xuất, lưu thông, phân phối, các kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm, đánh giá chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm và các kỹ thuật cơ bản để định tính một số hoá dược thông dụng.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp và học tập sau khi tốt nghiệp

- Người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ Cao đẳng được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở Y tế, cơ sở xí nghiệp, sản xuất, kinh doanh Dược của Nhà nước và các cơ sở ngoài công lập theo các quy chế tuyển dụng công chức và người lao động của Nhà nước.
- Dược sĩ cao đẳng nếu có nguyện vọng và đủ tiêu chuẩn có thể học liên thông lên trình độ Đại học ngành Dược học theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm

3. KHÖI LƯÖNG KIẾN THỨC: 145 đvht (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

4. ĐÖI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo qui chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. THANG ĐIỂM: 10

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG : 35 đvht (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	BT	TH	GHI CHÚ
1	001231	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75			
2	000565	ĐLCM của Đảng Cộng sản Việt Nam	4	45	15		001840(a)
3	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	30	15		001231(a)
		Tổng	12	150	30		

7.1.2. Ngoại ngữ

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
4	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
5	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
		Tổng	6	60	60	

7.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

ST T	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
6	001760	Tin học văn phòng	2		60	
7	001438	Sinh học và di truyền	2	30		
8	001868	Vật lí đại cương	4	60		
9	001937	Xác suất và thống kê y dược	3	45		
10	000032	Anh văn chuyên ngành Dược	6	90		000048(a)
		Tổng	17	225	60	

7.1.4. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
11	000592	Giáo dục thể chất 1	1		30	
12	000593	Giáo dục thể chất 2	1		30	
13	000594	Giáo dục thể chất 3	1		30	
		Tổng	3		90	

7.1.5. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
14	000585	Giáo dục quốc phòng	9	117	18	
		Tổng	9	117	18	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 110 đơn vị học trình

7.2.1. Kiến thức cơ sở: 23 đơn vị học trình

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
15	000670	Hóa vô cơ	2	30		
16	000671	Hóa vô cơ – Thực hành	2		60	000670(c)
17	001899	Vi sinh – ký sinh trùng	2	30		001438(c)
18	001903	Vi sinh – ký sinh trùng – Thực hành	1		30	001899(a)
19	000569	Giải phẫu – sinh lý	4	60		001438(c)
20	000574	Giải phẫu – sinh lý – TH	1		30	000569(c)
21	000663	Hóa hữu cơ	2	30		000670(a)
22	000664	Hóa hữu cơ – Thực hành	1		30	000663(c)

23	000679	Hóa phân tích	3	45		000670(a)
24	000680	Hóa phân tích – Thực hành	2		60	000679(c)
25	000685	Hóa sinh	3	45		000663(a)
		Tổng	23	240	210	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 37 đơn vị học trình

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
26	001697	Thực vật dược	3	45		001438(a)
27	001698	Thực vật dược – Thực hành	1		30	001697(c)
28	000060	Bào chế 1	3	45		000646(a)
29	000061	Bào chế 1 – Thực hành	2		60	000060(a)
30	000646	Hóa dược	4	60		000663(a)
31	000647	Hóa dược – Thực hành	1		30	000646(a)
32	000553	Dược liệu	3	45		001697(a)
33	000556	Dược liệu – Thực hành	2		60	000553(c)
34	000557	Dược lý 1	3	45		000569(a) 000646(a)
35	000558	Dược lý 1 – Thực hành	2		60	000557(c)
36	000796	Kiểm nghiệm thuốc	3	45		000679(a) 000553(a) 000646(a)
37	000797	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	2		60	000796(c)
38	001353	Quản lý tồn trữ thuốc	3	45		000646(a) 000553(a)
39	001354	Quản lý tồn trữ thuốc – Thực hành	2		60	001353(c)
40	001293	Pháp luật – tổ chức quản lý dược	3	45		001291(a)
		Tổng	37	375	360	

7.2.3. Kiến thức bổ trợ - đặc thù: 35 đơn vị học trình

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
41	000076	Bệnh học	5	75		000569(a)
42	000550	Dược lâm sàng	3	45		000076(a) 001899(a) 000557(a) 000646(a)
43	000551	Dược lâm sàng – Thực hành	1		30	000550(c)
44	000828	Kinh tế dược	2	30		001291(c)
45	000829	Kinh tế dược – Thực hành	1		30	000828(c)
46	001050	Marketing dược	3	45		001291(c)
47	001051	Marketing dược – Thực hành	1		30	001050(c)
48	001376	Quản trị kinh doanh dược	4	60		001291(a)
49	000380	Đảm bảo chất lượng thuốc	3	45		000796(a) 001353(a)
50	000381	Đảm bảo chất lượng thuốc – Thực hành	1		30	000380(c)
51	001291	Pháp chế dược	3	45		
52	000559	Dược lý 2	4	60		000557(a)
53	000560	Dược lý 2 – Thực hành	1		30	000559(c)
54	000854	Kỹ năng giao tiếp, bán hàng	3	45		001291(c)
		Tổng	35	450	150	

7.2.4. Thực tập và thi tốt nghiệp: 15 đơn vị học trình

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
55	000552	Thực tập Dược lâm sàng	3		90	000550(a) 000854(a)
56	001696	Thực tập y tế cơ sở	2		60	000380(a) 001376(a)
57	001692	Thực tập tốt nghiệp – Dược	5		150	000380(a) 000854(a)
58	001257	Ôn và Thi tốt nghiệp	5			
		Tổng	15		300	

Ghi chú: ĐVHT: Đơn vị học trình; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (a): Học phần học trước; (b): Học phần tiên quyết; (c): Học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Lưu ý: Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	ĐVHT	Số tiết LT	Số tiết BT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1								
Học phần bắt buộc				19	270	0	60	
1	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	0301001231	5	75	0	0	
2	001760	Tin học văn phòng	0301001760	2	0	0	60	
3	001868	Vật lý đại cương	0301001868	4	60	0	0	
4	001937	Xác suất và thống kê y dược	0301001937	3	45	0	0	
Học kỳ 2								
Học phần bắt buộc				19	210	15	120	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0301000047	3	30	0	30	
2	000569	Giải phẫu - Sinh lý	0301000569	4	60	0	0	001438(c)
3	000574	Giải phẫu sinh lý - Thực hành	0301000574	1	0	0	30	000569 (c)
4	000670	Hóa vô cơ	0301000670	2	30	0	0	
5	000671	Hóa vô cơ - Thực hành	0301000671	2	0	0	60	000670(c)
6	001438	Sinh học và di truyền	0301001438	2	30	0	0	
7	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0301001840	3	30	15	0	001231(a)
8	001899	Vi sinh - Ký sinh trùng	0301001899	2	30	0	0	001438(c)
Học kỳ 3								
Học phần bắt buộc				16	150	0	180	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0301000048	3	30	0	30	000047(a)
2	000663	Hóa hữu cơ	0301000663	2	30	0	0	000670(a)
3	000664	Hóa hữu cơ - Thực hành	0301000664	1	0	0	30	000663(c)
4	000679	Hóa phân tích	0301000679	3	45	0	0	000670(a)
5	000680	Hóa phân tích - Thực hành	0301000680	2	0	0	60	000679(c)
6	001697	Thực vật dược	0301001697	3	45	0	0	001438(a)
7	001698	Thực vật dược - Thực hành	0301001698	1	0	0	30	001697(c)
8	001903	Vi sinh và ký sinh trùng - Thực hành	0301001903	1	0	0	30	001899(a)
Học kỳ 4								
Học phần bắt buộc				18	240	0	60	
1	000032	Anh văn chuyên ngành dược	0301000032	6	90	0	0	000048(a)
2	000553	Dược liệu	0301000553	3	45	0	0	001697(a)
3	000556	Dược liệu -Thực hành	0301000556	2	0	0	60	000553(c)
4	000646	Hóa dược	0301000646	4	60	0	0	000663(a)
5	032006	Hóa sinh	0301032006	3	45	0	0	000663(a)
Học kỳ 5								
Học phần bắt buộc				18	210	15	90	
1	000060	Bào chế 1	0301000060	3	45	0	0	000646(a)
2	000076	Bệnh học	0301000076	5	75	0	0	000569(a)
3	000557	Dược lý 1	0301000557	3	45	0	0	000569(a) 000646(a)
4	000558	Dược lý 1 - Thực hành	0301000558	2	0	0	60	000557(c)

5	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0301000565	4	45	15	0	001840(a)
6	000647	Hóa dược - Thực hành	0301000647	1	0	0	30	000646(a)
Học kỳ 6								
Học phần bắt buộc				17	150	0	210	
1	000061	Bào chế 1 - Thực hành	0301000061	2	0	0	60	000060(a)
2	000559	Dược lý 2	0301000559	4	60	0	0	000557(a)
3	000560	Dược lý 2 - Thực hành	0301000560	1	0	0	30	000559(c)
4	000796	Kiểm nghiệm thuốc	0301000796	3	45	0	0	000679(a) 000553(a) 000646(a)
5	000797	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	0301000797	2	0	0	60	000796(c)
6	001353	Quản lý tồn trữ thuốc	0301001353	3	45	0	0	000646(a) 000553(a)
7	001354	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	0301001354	2	0	0	60	001353(c)
Học kỳ 7								
Học phần bắt buộc				13	165	0	60	
1	001291	Pháp chế dược	0301001291	3	45	0	0	
2	000828	Kinh tế dược	0301000828	2	30	0	0	001291(c)
3	000829	Kinh tế dược - Thực hành	0301000829	1	0	0	30	000828(c)
4	000854	Kỹ năng giao tiếp, bán hàng	0301000854	3	45	0	0	001291(c)
5	001050	Marketing dược	0301001050	3	45	0	0	001291(c)
6	001051	Marketing dược - Thực hành	0301001051	1	0	0	30	001050(c)
Học kỳ 8								
Học phần bắt buộc				15	195	0	60	
1	000380	Đảm bảo chất lượng thuốc	0301000380	3	45	0	0	001353(a) 000796(a)
2	000381	Đảm bảo chất lượng thuốc - Thực hành	0301000381	1	0	0	30	000380(c)
3	001293	Pháp luật - Tổ chức quản lý dược	0301001293	3	45	0	0	001291(a)
4	000550	Dược lâm sàng	0301000550	3	45	0	0	000076(a) 001899(a) 000557(a) 000646(a)
5	000551	Dược lâm sàng - Thực hành	0301000551	1	0	0	30	000550(c)
6	001376	Quản trị kinh doanh dược	0301001376	4	60	0	0	001291(a)
Học kỳ 9								
Học phần bắt buộc				15	0	0	300	
1	000552	Thực tập Dược lâm sàng	0301000552	3	0	0	90	000550(a) 000854(a)
2	001257	Ôn tập và Thi tốt nghiệp - Dược	0301001257	5	0	0	0	
3	001692	Thực tập tốt nghiệp - Dược	0301001692	5	0	0	150	000380(a) 000854(a)
4	001696	Thực tập thực tế cơ sở	0301001696	2	0	0	60	000380(a) 001376(a)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

001231 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin: 5 (75, 0)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000565 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 (45,15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001840 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 (30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000032 Anh văn chuyên ngành Dược: 6 (90, 0, 180)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: môn học này giúp người học có khả năng nói, đọc, viết, nghe hiểu những giao tiếp thông thường và chuyên ngành..

001937 Xác suất thống kê và y dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: sung các nội dung toán học phục vụ cho thống kê. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm tra giả thiết, so sánh các mẫu quan sát, phân tích hồi qui tương quan một biến số và hai biến số ứng dụng trong y, dược.

001868 Vật lý đại cương: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý ứng dụng vào việc nghiên cứu và sử dụng các thiết bị kỹ thuật trong lĩnh vực dược: kỹ thuật số, quang học.

001760 Tin học văn phòng: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu

000592 Giáo dục thể chất 1: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000593 Giáo dục thể chất 2: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000594 Giáo dục thể chất 3: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000585 Giáo dục quốc phòng: 135 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng- An ninh trình độ đại học và cao đẳng

001438 Sinh học và di truyền: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về sinh học đại cương, chủ yếu tập trung vào các nội dung liên quan đến chuyên môn được như: tế bào, các qui luật di truyền; sinh học phân tử, sinh phẩm dùng làm thuốc.

000670 Hoá vô cơ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung:

- Hoá đại cương: các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học; các nguyên lí nhiệt động hoá học; cấu tạo chất; các loại phản ứng hoá học; điện hoá học; các hệ keo;
- Hoá vô cơ: một số loại hợp chất vô cơ quan trọng liên quan đến ngành dược.

000671 Hóa vô cơ – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: Học phần song hành (Hóa vô cơ)

Nội dung: Giới thiệu các các sử dụng một số dụng cụ trong phòng thí nghiệm hóa học làm nền tảng phục vụ cho các môn học về sau: Hóa phân tích, Kiểm nghiệm thuốc. Thực hiện các phản ứng dựa vào tính chất các nguyên tố từng phân nhóm.

001899 Vi sinh - Ký sinh trùng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Sinh học và Di truyền)

Nội dung: Giới thiệu kiến thức cơ bản về Vi sinh và Ký sinh trùng trong y học.

001903 Vi sinh – ký sinh trùng – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Vi sinh –Ký sinh trùng)

Nội dung: Giúp quan sát cấu trúc chi tiết của từng tế bào vi khuẩn gây bệnh đường ruột, gây bệnh ngoài da, các bệnh do virus, các bệnh gây ra do trùng giả, trùng roi, trùng bào tử. Tìm hiểu chu kỳ sinh sản của các loại sán, các loại giun.

000569 Giải phẫu - Sinh lý: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Sinh học và Di truyền)

Nội dung: Giới thiệu kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể người, giúp cho việc nghiên cứu tác dụng của thuốc trên mô, tế bào, các cơ quan, tổ chức cơ thể người. Các hoạt động sinh lý chủ yếu của các bộ phận trong cơ thể con người; các cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vaccin và ứng dụng chúng trong việc phòng chống bệnh tật.

000574 Giải phẫu sinh lý – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: Học phần song hành (Giải phẫu – Sinh lý)

Nội dung: Quan sát những cơ quan của cơ thể người dựa trên mô hình theo giải phẫu hệ thống và giải phẫu khu vực. Tìm hiểu các hoạt động sinh lý của cơ thể người: tăng huyết áp và giảm huyết áp.... Thấy được đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mối liên quan cùng với hoạt động sinh lý.

000663 Hoá hữu cơ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa vô cơ)

Nội dung: Cấu trúc, danh pháp các nhóm hợp chất hữu cơ quan trọng như: phenol, andehydeton, các acid cacboxylic và dẫn xuất, dị vòng và ancaloid, terpenoid- carotenoid- steroid.

000664 Hóa hữu cơ – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Hóa hữu cơ)

Nội dung: Giới thiệu thao tác và các phương pháp an toàn trong phòng thí nghiệm và tạo nền tảng cho môn học sau: Hóa dược. Thực hiện các phương pháp định tính các chất hữu cơ và xác định các nhóm chức hữu cơ. Tổng hợp các hợp chất hữu cơ đơn giản trong ngành dược bằng các phản ứng đơn giản qui mô phòng thí nghiệm

000679 Hoá phân tích: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa vô cơ)

Nội dung: Các phương pháp phân tích dựa trên các phản ứng hoá học được ứng dụng nhiều trong ngành Dược.

000680 Hóa phân tích – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Hóa vô cơ thực hành, Hóa phân tích)

Nội dung: Thực hiện được những kỹ năng làm thí nghiệm. hiểu và biết cách sử dụng được một số trang thiết bị dùng trong hóa phân tích – kiểm nghiệm.

Tính toán và pha chế được các dung dịch chuẩn một cách chính xác.

Thực hành được một số phương pháp phân tích định lượng và phân tích dụng cụ.

032006 Hoá sinh: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa hữu cơ)

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các hiện tượng hoá học xảy ra trong cơ thể người và ứng dụng chúng trong công tác nghiên cứu về thuốc và xét nghiệm cận lâm sàng, giúp cho công tác điều trị bệnh.

001697 Thực vật dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Sinh học và di truyền)

Nội dung: Gồm 2 nội dung về thực vật và viết, đọc tên thuốc. Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực vật làm cơ sở cho việc nghiên cứu, sưu tầm, kiểm nghiệm. Viết và đọc tên thuốc, cây thuốc theo tiếng Latin, theo danh pháp dược điển.

001698 Thực vật dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Thực vật dược)

Nội dung: Quan sát được các đặc điểm hình thái và cấu tạo giải phẫu của một số cơ quan thực vật.

Thực hiện các tiêu bản vi học. Quan sát, nhận biết và vẽ được sơ đồ các cơ quan thực vật

001293 Pháp luật - Tổ chức và quản lý dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản nắm được lý luận và những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về tổ chức y tế, các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược: các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc, mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp và thực thi nhiệm vụ của một cán bộ dược có trình độ cao đẳng.

000060 Bào chế 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa dược)

Nội dung: Giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản để bào chế các dạng thuốc thông dụng bằng quy trình và thiết bị công nghệ thích hợp, tiêu chuẩn chất lượng các dạng thuốc. Hướng dẫn sử dụng dạng thuốc an toàn, hợp lý.

000061 Bào chế 1 – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Bào chế 1)

Nội dung: Biết được các đặc điểm và các sử dụng các tá dược thông dụng, các thiết bị chủ yếu, các loại bao bì dùng trong bào chế.

Thực hiện được phương pháp và kỹ thuật bào chế các dạng thuốc. Bào chế được một số dạng thuốc thông dụng.

000646 Hoá dược: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa hữu cơ)

Nội dung: Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về tổng hợp hóa dược, mối liên quan cấu trúc, tác dụng, tính chất hóa lý, chất lượng dược chất, cấu tạo, phương pháp điều chế, phương pháp kiểm nghiệm và áp dụng điều trị của nguyên liệu hóa dược.

000647 Hóa dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: môn phần trước (Hóa dược)

Nội dung: Nhận biết các đặc điểm cơ bản về cấu trúc hóa học, tính chất hóa lý, mối liên quan giữa cấu trúc hóa học và tác dụng dược lý của một số nhóm thuốc.

Thực hiện các phương pháp điều chế, phương pháp kiểm nghiệm một số nguyên liệu hóa dược thông dụng.

Thực hiện điều chế được một số các nguyên liệu hóa dược thông dụng

000553 Dược liệu: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thực vật dược)

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhận thức, kiểm nghiệm và sử dụng các cây, con làm thuốc.

000556 Dược liệu – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Dược liệu)

Nội dung: Thực hiện các phương pháp chiết xuất và định tính dược liệu, kiểm định được dược liệu theo phương pháp hóa học và sắc ký lớp mỏng. Nêu được tên Việt Nam, tên Khoa học, thành phần hóa học chính, tác dụng và công dụng chính của các dược liệu làm thuốc thường gặp.

000557 Dược lý 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu - Sinh lý, Hóa dược)

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học, dược lý học được áp dụng cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc có hiệu quả.

000558 Dược lý 1 – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Dược lý 1)

Nội dung: Phân loại được các nhóm thuốc và các thuốc điển hình đang được sử dụng trên thị trường. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, tác dụng phụ và cách dùng của các thuốc điển hình trong mỗi nhóm thuốc.

000559 Dược lý 2: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược lý 1)

Nội dung: Trình bày quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ khi thuốc vào cơ thể. Nêu lên tác dụng, chỉ định, tác dụng phụ, chống chỉ định, các dùng và liều dùng của các thuốc. Các yếu tố ảnh hưởng, cơ chế tác động và sự tương tác xảy ra trong cơ thể khi sử dụng thuốc.

000560 Dược lý 2 – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Dược lý 2)

Nội dung: Khảo sát được các yếu tố ảnh hưởng đến tác động của thuốc, giải thích được cơ chế tác động và sự tương tác thuốc trong cơ thể.

Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, tác dụng phụ và cách dùng của các thuốc điển hình trong mỗi nhóm thuốc.

000796 Kiểm nghiệm thuốc: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa phân tích, Dược liệu, Hóa dược)

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về các phương pháp đảm bảo chất lượng thuốc theo đúng qui trình, qui phạm, góp phần quản lý chất lượng thuốc. Các yếu tố và điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy cho các kết quả thí nghiệm, các biện pháp đảm bảo chất lượng thí nghiệm. Tập trung vào các nội dung: xây dựng nội qui phòng thí nghiệm; dự trù, cung ứng vật tư, hoá chất, dung môi, nước,... cho phòng thí nghiệm; vệ sinh, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị thí nghiệm, các nội dung GLP, ISO-hệ thống đảm bảo chất lượng; các biện pháp đảm bảo chất lượng thử nghiệm, thí nghiệm.

000797 Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

000796 Kiểm nghiệm thuốc: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Kiểm nghiệm thuốc)

Nội dung: Xác định được yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để kiểm nghiệm một số dạng thuốc.

Thực hiện được việc kiểm nghiệm nguyên liệu và các dạng thuốc khác nhau

Nhận thức được trách nhiệm của Dược sĩ về mặt pháp lý cũng như mặt tinh thần đối với việc đảm bảo chất lượng thuốc

001353 Quản lý tồn trữ thuốc: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa dược, Dược liệu)

Nội dung: Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về quy trình bảo quản, quản lý tồn trữ thuốc và trang thiết bị; nội dung về GSP (Good Store Practise).

001354 Quản lý tồn trữ thuốc – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Quản lý tồn trữ thuốc)

Nội dung: Thực hiện được các công tác phòng chống cháy nổ trong ngành dược. Vận dụng được các phương pháp bảo quản thuốc và dụng cụ y tế thông dụng.

Thực hiện được công tác bảo quản thuốc theo GSP và tổ chức sắp xếp nhà thuốc theo tiêu chuẩn GMP.

Thấy được vai trò của người Dược sĩ trong công tác bảo quản thuốc từ khâu sản xuất đến người bệnh

000076 Bệnh học: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu- Sinh lý)

Nội dung: Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh cơ bản...

001291 Pháp chế dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Pháp luật – tổ chức quản lý dược)

Nội dung: Các quy định pháp lý cơ bản trong công tác dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, phân phối, tồn trữ và sử dụng thuốc...

000550 Dược lâm sàng: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Bệnh học, Vi sinh- Ký sinh, Dược lý 1, Hóa dược)

Nội dung: Các nguyên lý cơ bản trong sử dụng thuốc.

000551 Dược lâm sàng – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Dược lâm sàng)

Nội dung: Thấy được vai trò và chức năng của dược sĩ trong lâm sàng khi sử dụng thuốc.. Vận dụng các kiến thức về Dược và Y Sinh vào việc sử dụng thuốc hiệu quả – an toàn – hợp lý.

Biết các nguyên tắc cơ bản trong sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng ở bệnh viện

000828 Kinh tế dược : 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Pháp chế dược)

Nội dung: Các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế...

000829 Kinh tế dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành

Nội dung: Xử lý dược một cách cơ bản những vấn đề thường gặp của ngành dược trong nền kinh tế thị trường: Lợi thế so sánh, Tỷ giá hối đoái, Lạm phát, thất nghiệp....

Hiểu được các quy định về một số loại thuế hiện hành trong hoạt động kinh doanh dược: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân....

001050 Marketing dược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Pháp chế dược)

Nội dung: Kiến thức cơ bản về marketing và marketing dược, các chính sách trong marketing, ứng dụng của những chính sách đó trong hoạt động marketing dược.

001051 Marketing dược – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Marketing dược)

Nội dung: Xử lý dược một cách cơ bản những vấn đề thường gặp của ngành dược trong nền kinh tế thị trường: Lợi thế so sánh, Tỷ giá hối đoái, Lạm phát, thất nghiệp....

Hiểu được các quy định về một số loại thuế hiện hành trong hoạt động kinh doanh dược: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân....

000854 Kỹ năng giao tiếp, bán hàng: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Pháp chế dược)

Nội dung: Trình bày một số khái niệm cơ bản về tâm lý và tâm lý y học, kiến thức cơ bản về giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe. Thực hiện một số kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe có hiệu quả, kỹ năng bán hàng, văn minh thương mại trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.

001376 Quản trị kinh doanh dược: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Pháp chế dược)

Nội dung: Đại cương về quản trị học, các phương pháp phân tích môi trường kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp Dược. Vai trò của nhà quản trị trong doanh nghiệp Dược. Những hình thức cơ cấu tổ chức cơ bản và các hoạt động của doanh nghiệp Dược.

000380 Đảm bảo chất lượng thuốc : 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kiểm nghiệm thuốc, Quản lý tồn trữ thuốc)

Nội dung: Hệ thống quản lý chất lượng thuốc, quản lý chất lượng trong sản xuất thuốc. Sự ổn định của thuốc và các biện pháp bảo vệ, nâng cao độ ổn định thuốc.

000381 Đảm bảo chất lượng thuốc – Thực hành: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Đảm bảo chất lượng thuốc)

Nội dung: Phân tích dược các nguồn gốc gây ô nhiễm trong sản xuất thuốc và nêu ra các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Xác định các yếu tố vật lý, hóa học ảnh hưởng đến sự phân hủy của thuốc và các biện pháp để bảo vệ và nâng cao độ ổn định của một số dạng bào chế.

Vai trò của người Dược sĩ trong việc thực hệ thống quản lý chất lượng thuốc theo WHO (GMP, GLP, GSP, GDP, GPP).

001696 Thực tập Thực tế cơ sở: 2 (0, 60)

000552 Thực tập Dược lâm sàng: 3 (0, 90)

001692 Thực tập tốt nghiệp – Dược: 5 (0, 150)

001257 Ôn và thi tốt nghiệp – Dược: 5

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG PHÒNG DT

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thanh Nghĩa

